

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỐNG NHẤT
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 16/2024/DS-ST
Ngày: 18/6/2024
V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỐNG NHẤT, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Kim Đó

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Trung

Bà Cao Thị Kim Phương

- Thư ký phiên tòa: Ông Hà Văn Tuấn. Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 190/2023/TLST-DS ngày 07 tháng 7 năm 2023 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2024/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 4 năm 2024; Quyết định Hoãn phiên tòa số 246/2024/QĐST-DS ngày 14/5/2024 và Thông báo về việc thay đổi thời gian xét xử số 01/TB-TA ngày 29/5/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Đoàn Thị Kim T**; sinh năm 1976.

Địa chỉ: Số A, ấp D, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà **Ngô Phương Hoàng G**, sinh năm 1987; Địa chỉ: Ấp C, xã P, huyện Đ tỉnh Đồng Nai. (Hợp đồng ủy quyền ký ngày 02/8/2023).

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Thành N**; Sinh năm 1998.

Địa chỉ: Số nhà B, ấp D, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

(Bà G có mặt, anh N vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Theo đơn khởi kiện đề ngày 26/5/2023, bản tự khai ngày 02/8/2023 và các bản khai tiếp theo trong quá trình tố tụng nguyên đơn bà Đoàn Thị Kim T có đại diện theo ủy quyền bà Ngô Phương Hoàng G trình bày:**

Do mối quan hệ quen biết người cùng địa phương vào ngày 15/8/2022, bà T có cho anh N vay số tiền 1.000.000.000đ (một tỷ đồng), lãi suất thỏa thuận miệng 2%/tháng, thời gian vay tiền không xác định, nhưng các bên có thỏa thuận khi nào bà T cần lấy lại tiền thì báo trước anh N sẽ trả lại. Việc cho vay tiền có làm biên nhận “Giấy mượn tiền” lập ngày 15/8/2022.

Về thế chấp tài sản để đảm bảo cho số tiền vay: Anh N có thế chấp cho bà T 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đ cấp ngày 14/5/2022 do anh Nguyễn Thành N đứng tên quyền sử dụng đất để làm tin.

Trong thời gian thực hiện hợp đồng vay tiền hàng tháng anh N không trả tiền lãi cho bà T đúng như thỏa thuận, bà T nhiều lần đến yêu cầu anh N trả lại tiền và tiền lãi nhưng anh N không trả còn trốn tránh dẫn đến tranh chấp, bà T khởi kiện anh N.

Trước Tòa án bà T yêu cầu Tòa án xét xử buộc anh Nguyễn Thành N phải trả cho bà T số tiền nợ 1.000.000.000đ và yêu cầu tính lãi suất số tiền vay từ ngày 15/8/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm.

**** Bị đơn anh Nguyễn Thành N đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật nhưng anh N không chấp hành và không đến Tòa án tham gia giải quyết vụ án.***

*** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:**

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu:

- *Về tố tụng:* Tòa án đã thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định tư cách đương sự đúng quy định, Thẩm phán; Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng là đúng quy định. Việc chấp hành pháp luật của hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đúng quy định;

- *Về đường lối giải quyết vụ án:* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc anh Nguyễn Thành N phải trả cho bà T số tiền nợ 1.000.000.000đ (Một tỷ đồng) và tính lãi theo quy định pháp luật. Anh Nguyễn Thành N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự; bị đơn anh Nguyễn Thành N có hộ khẩu thường trú tại địa chỉ số B, ấp D, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất.

[1.2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết số tiền nợ 1.000.000.000đ ngày 15/8/2022, và tính lãi suất số tiền vay đối với bị đơn anh Nguyễn Thành N, nên quan hệ pháp luật được xác định là tranh chấp hợp đồng vay tài sản quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự.

[1.3]. Về tư cách đương sự: Căn cứ vào khoản 2, khoản 3 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để xác định bà Đoàn Thị Kim T là nguyên đơn; anh Nguyễn Thành N là bị đơn.

[1.4]. Về việc xét xử vắng mặt đương sự:

Ngày 26/4/2024, Tòa án tiến hành niêm yết Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 15/2024/QĐXXST-DS, tại nhà anh Nguyễn Thành N, tại trụ sở UBND xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai và tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, thông báo cho anh N biết phải có mặt tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất vào lúc 08 giờ 00 phút ngày 14/5/2024 để tham gia phiên tòa, nhưng anh N vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa theo Quyết định hoãn phiên tòa số 246/2024/QĐST-DS ngày 14/5/2024.

Ngày 14/5/2024, Tòa án tiến hành niêm yết Quyết định hoãn phiên tòa (QĐ số 246/2024/QĐST-DS ngày 14/5/2024) tại nhà anh Nguyễn Thành N, tại trụ sở UBND xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai và tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, thông báo cho anh N biết phải có mặt tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất vào lúc 15 giờ 00 phút ngày 30/5/2024 để tham gia phiên tòa.

Ngày 29/5/2024 Tòa án tiến hành niêm yết thông báo thay đổi thời gian xét xử số 01/TB-TA ngày 29/5/2024, tại nhà anh Nguyễn Thành N, tại trụ sở UBND xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai và tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, thông báo cho anh N biết phải có mặt tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất vào lúc 14 giờ 00 phút ngày 18/6/2024 để tham gia phiên tòa xét xử, nhưng anh N vẫn tiếp tục vắng mặt không có lý do nên hội đồng xét xử áp dụng Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Thành N.

[2]. Về nội dung vụ án:

Ngày 15/8/2022, bà T có cho anh N vay số tiền 1.000.000.000đ (một tỷ đồng), lãi suất thỏa thuận 2%/tháng, thời hạn vay và thời hạn trả nợ không xác định, nhưng các bên có thỏa thuận miệng khi nào bà T cần lấy lại tiền thì báo trước cho anh N vài ngày anh sẽ trả lại tiền. Việc cho vay có làm giấy tay “Giấy mượn tiền” đề ngày 15/8/2022 được anh N ký tên xác nhận. Sau khi vay anh N không trả tiền lãi cho bà T theo như thỏa thuận dẫn đến tranh chấp.

Xét yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị Kim T1 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản, bị đơn anh Nguyễn Thành N, hội đồng xét xử nhận định:

Về tài liệu chứng cứ: Bà T xuất trình tờ giấy tay “Giấy mượn tiền” lập ngày 15/8/2022, nội dung giấy mượn tiền thể hiện anh Nguyễn Thành N; số nhà B ấp D, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai, có mượn của bà T số tiền 1.000.000.000đ (một tỷ đồng), anh N có ký tên xác nhận nợ. Đồng thời bà T còn cung cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất do Sở Tài

nguyên và môi trường tỉnh Đ cấp ngày 14/5/2022 do anh Nguyễn Thanh N1 đứng tên (bản phô tô), bản gốc giấy chứng nhận bà T đang giữ. Điều đó cho thấy việc anh N1 vay tiền của bà T là có thật.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật cho anh N1 nhưng anh N1 không đến Tòa án tham gia giải quyết vụ án nên hội đồng xét xử căn cứ vào tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp làm cơ sở giải quyết vụ án.

Như nhận định trên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị Kim T buộc anh Nguyễn Thành N phải trả cho bà T số tiền vay là 1.000.000.000đ.

Xét yêu cầu tính lãi suất của nguyên đơn:

“Giấy mượn tiền” lập ngày 15/8/2022, không thể hiện mức lãi suất cụ thể khi bà T cho anh N vay tiền, nhưng tại phiên tòa bà Ngô Phương Hoàng G (đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn) đã khai mức lãi suất thỏa thuận miệng là 2%/tháng. Theo quy định về mức lãi suất tại Điều 468 BLDS năm 2015 là 20%/năm tương đương 1,66%/tháng, tại phiên Tòa bà G chỉ yêu cầu mức lãi suất áp dụng là 10%/năm tương đương 0,83%/tháng để tính lãi cho số tiền vay 1.000.000.000đ, thời gian nguyên đơn yêu cầu tính lãi từ ngày từ ngày 15/8/2022 đến ngày 15/8/2023, đối chiếu với mức lãi suất 20%/năm được quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự xét thấy có lợi cho bị đơn và không trái với quy định của pháp luật nên hội đồng xét xử chấp nhận.

Lãi suất được tính như sau:

$1.000.000.000đ \times 0.83\% \times 12 \text{ tháng} = 99.600.000đ$ (chín mươi chín triệu sáu trăm ngàn đồng)

Cộng vốn gốc và tiền lãi: $1.000.000.000đ + 99.600.000đ = 1.099.600.000đ$ (Một tỷ không trăm chín mươi chín triệu sáu trăm ngàn đồng) Đây là số tiền cần buộc anh Nguyễn Thành N trả cho bà Đoàn Thị Kim T.

Đối với việc thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đ cấp ngày 14/5/2022 cho anh Nguyễn Thành N đứng tên, tại phiên tòa bà G khai việc thế chấp không có ký hợp đồng thế chấp, không có công chứng chứng thực, việc thế chấp chỉ để làm tin khi nào anh N trả hết nợ thì nguyên đơn sẽ trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bị đơn. Do đó hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Xét quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát phù hợp với nhận định của hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4]. Về án phí: Anh N là người phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà T nên anh phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Trả lại tiền tạm ứng án phí cho bà Đoàn Thị Kim T.

[5]. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điều; 227; 228; Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 463; 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

2. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đoàn Thị Kim T về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đối với bị đơn anh Nguyễn Thành N.

Xử buộc anh Nguyễn Thành N phải trả cho bà Đoàn Thị Kim T số tiền nợ 1.099.600.000đ (một tỷ không trăm chín mươi chín triệu sáu trăm ngàn đồng) trong đó vốn gốc 1.000.000.000đ; tiền lãi 99.600.000đ

Bà Đoàn Thị Kim T có nghĩa vụ trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (bản chính) do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đ cấp ngày 14/5/2022, số ĐĐ 127524 anh Nguyễn Thành N đứng tên cho anh N quản lý sử dụng sau khi anh N đã trả hết tiền nợ cho bà T.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Thành N phải nộp 44.988.000đ (Bốn mươi bốn triệu chín trăm tám mươi tám ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho bà Đoàn Thị Kim T 23.700.000đ (Hai mươi ba triệu bảy trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí tại phiếu thu số 0007792 ngày 06/7/2023 của chi cục thi hành án dân sự huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật bà T có đơn yêu cầu thi hành án anh N không trả cho bà T số tiền nêu trên thì hàng tháng anh N còn phải chịu thêm lãi chậm trả với lãi suất theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

4. Về quyền kháng cáo:

Bà Đoàn Thị Kim T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Anh Nguyễn Thành N được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định pháp luật.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND H. Thống Nhất;

- Chi cục THADS H. Thống Nhất;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Lê Kim Đó

